

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN GEMADEPT
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH,
l=Quận 1, cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN GEMADEPT,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST
:0301116791
Date: 2021.03.31 15:42:26
+07'00'

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 50
8. Phụ lục 01	51
9. Phụ lục 02	52
10. Phụ lục 03	53
11. Phụ lục 04	54 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 28 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (028) 3823 6236
- Fax : +84 (028) 3823 5236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số: 1.0902/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

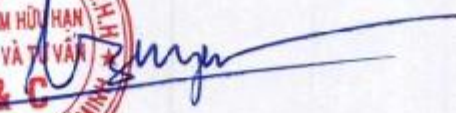
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.356.400.253.202	1.187.770.152.906
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	427.676.366.191	185.545.788.383
1. Tiền		111		416.176.366.191	181.545.788.383
2. Các khoản tương đương tiền		112		11.500.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		23.437.445.943	44.267.969.361
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	49.252.233.353	83.409.810.665
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(30.182.846.588)	(42.841.841.304)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	4.368.059.178	3.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		747.950.935.161	787.249.150.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	341.988.491.153	366.913.853.716
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4a	142.564.303.832	150.628.682.211
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5a	29.530.000.000	29.890.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6a	243.392.277.048	248.569.466.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(9.524.136.872)	(8.752.851.786)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		72.966.607.779	78.380.973.226
1. Hàng tồn kho		141	V.8	77.169.725.859	81.502.181.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(4.203.118.080)	(3.121.208.460)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		84.368.898.128	92.326.271.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	11.051.155.655	10.084.640.619
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		55.788.533.490	77.345.950.952
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.18	17.529.208.983	4.895.679.905
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.478.143.954.066	8.932.136.744.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.015.447.670	35.083.378.013
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	358.000.000	358.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	25.100.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	30.557.447.670	34.725.378.013
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.143.068.755.500	3.345.274.223.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.760.856.086.787	2.916.128.041.718
- Nguyên giá	222		4.908.384.792.791	4.832.622.857.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.147.528.706.004)	(1.916.494.815.967)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	116.925.846.196	159.869.253.562
- Nguyên giá	225		247.772.204.488	259.738.889.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(130.846.358.292)	(99.869.635.998)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	265.286.822.517	269.276.928.139
- Nguyên giá	228		357.186.280.451	347.724.397.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.899.457.934)	(78.447.469.762)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.757.169.265.427	1.799.802.914.004
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.757.169.265.427	1.799.802.914.004
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.531.074.199.418	2.684.481.348.160
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào cộng ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.461.441.374.935	2.481.007.591.207
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	72.736.908.411	206.581.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(3.104.083.928)	(3.107.275.047)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		990.816.286.051	1.067.494.880.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	638.590.994.095	676.460.835.521
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	110.693.814.592	94.280.850.909
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	241.531.477.364	296.753.194.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.834.544.207.268	10.119.906.897.002

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		3.239.614.949.264	3.552.650.031.380
I. Nợ ngắn hạn		310		1.745.211.780.685	1.828.483.009.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.16	357.899.063.388	422.801.324.306
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.17	20.211.415.538	131.371.902.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.18	18.970.678.365	84.738.031.413
4. Phải trả người lao động		314	V.19	76.359.614.295	54.637.591.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.20	208.693.179.893	168.100.913.409
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	V.21a	1.406.668.824	5.234.940.031
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.22a	216.156.450.734	179.612.613.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.23a	762.887.887.093	651.869.390.233
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.24	22.571.255.010	68.156.661.011
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.25	60.055.567.545	61.959.640.641
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.494.403.168.579	1.724.167.022.149
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	V.21b	275.215.157.320	223.677.508.700
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.22b	81.448.902.020	74.872.092.260
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.23b	1.137.739.109.239	1.425.617.421.189
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	V.26	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

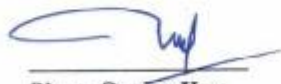
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

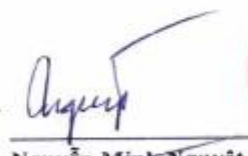
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.594.929.258.004	6.567.256.865.622
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.594.929.258.004	6.567.256.865.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	3.013.779.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.013.779.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27	128.097.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27	89.962.489.095	96.692.165.949
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	152.636.937.352	152.636.937.352
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	140.044.304.503	138.163.837.156
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	435.146.071.577	505.387.726.304
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		64.214.087.107	505.387.726.304
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		370.931.984.470	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	693.429.912.535	691.496.655.919
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.834.544.207.268	10.119.906.897.002

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Phạm Quang Huy
 Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

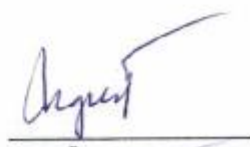
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.605.666.369.829	2.642.913.926.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.605.666.369.829	2.642.913.926.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.656.081.835.186	1.630.141.018.915
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		949.584.534.643	1.012.772.907.289
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.575.724.922	107.487.686.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	159.264.353.024	146.510.028.288
Trong đó: chi phí lãi vay	23		146.594.706.568	145.399.814.157
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	157.111.374.216	236.158.202.752
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	137.355.616.968	137.995.085.033
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	341.473.916.467	330.636.183.944
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		496.177.747.322	741.277.499.193
12. Thu nhập khác	31	VI.7	80.099.486.056	18.959.361.175
13. Chi phí khác	32	VI.8	63.721.453.869	55.606.456.559
14. Lợi nhuận khác	40		16.378.032.187	(36.647.095.384)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		512.555.779.509	704.630.403.809
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	88.492.988.818	154.969.045.025
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(16.412.963.683)	(63.907.693.215)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		440.475.754.374	613.569.051.999
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		370.931.984.470	517.028.616.025
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		69.543.769.904	96.540.435.974
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.149	1.602
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.149	1.602

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Phạm Quang Huy
 Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		512.555.779.509	704.630.403.809
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		407.829.017.632	366.059.069.169
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.7; V.24	(70.550.615.395)	(22.694.937.043)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	331.606.922	(1.763.485.602)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c; VI.3; VI.7; VI.8	(133.599.032.402)	(278.102.500.172)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	146.594.706.568	145.399.814.157
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		863.161.462.834	913.528.364.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		207.807.639.640	133.530.475.472
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.332.455.827	(12.835.697.907)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(135.811.753.185)	211.911.993.712
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		25.930.730.039	30.326.050.313
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		34.157.577.312	57.284.455.015
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20; V.22; VI.4	(146.478.966.196)	(143.807.600.246)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(166.958.951.726)	(100.596.252.515)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.775.781.866)	(31.901.906.146)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		655.364.412.679	1.057.439.882.016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(215.700.797.051)	(379.341.317.317)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VI.7	21.602.938.707	13.307.005.560
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(59.840.000.000)	(21.165.460.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	34.600.000.000	14.185.460.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31.012.563.977)	(299.916.547.913)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		153.289.510.245	151.629.726.540
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2c; V.6; VI.3	170.142.868.390	144.692.516.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		73.081.956.314	(376.608.617.032)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

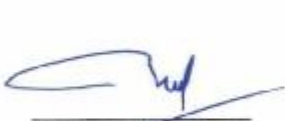
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

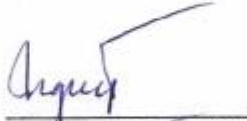
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.27	44.530.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		902.082.317.483	826.032.123.593
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.024.407.933.654)	(959.141.196.295)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(54.916.707.254)	(55.979.121.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.473.087.928)	(478.420.835.105)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(486.185.411.353)</i>	<i>(667.509.028.807)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		242.260.957.640	13.322.236.177
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	185.545.788.383	172.567.048.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(130.379.832)	(343.496.287)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	427.676.366.191	185.545.788.383

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Phạm Quang Huy
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

1987
GT
EM HƯ
VÀ T
& C
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 2.969.249.570.000 VND lên 3.013.779.570.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 111/NQ-HĐQT-2020 ngày 08 tháng 12 năm 2020 và đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2021.

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn tất giải thể Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội và đã chuyển nhượng 48% vốn tại Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam).

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 18 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 16 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm, Tập đoàn có 19 công ty con và 17 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngõ Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngõ Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải ⁽ⁱ⁾	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	75,00%	65,00%	75,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 Đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B Đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niêm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	TĐ số 712, TĐ số 8.BT.B, Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	80,09%	80,09%	80,09%	80,09%

(i) Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Tập đoàn đã mua thêm 10% cổ phần của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 75% từ ngày này.

(ii) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Lô J1, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	25,02%	25,02%	25,02%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Tầng 6, Lô 20A, Tòa nhà TD Plaza Business Center, Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	51,00%	51,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	34,52%	34,97%	34,52%	34,97%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 13, tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	49,00%	-	49,00%

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Ngày 27 tháng 02 năm 2020 Tập đoàn đã chuyển nhượng 48% phần vốn tại Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam). Do chỉ còn nắm giữ 1% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.501 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.482 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 02%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 02% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến các dự án chưa hoàn thành.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các Chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của Chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.246.582.605	22.107.550.095
Tiền gửi ngân hàng	394.776.636.387	158.670.683.778
Tiền đang chuyển	1.153.147.199	767.554.510
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	11.500.000.000	4.000.000.000
Cộng	427.676.366.191	185.545.788.383

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	3.528.997.673	2.600.031.071	(928.966.602)	37.686.574.985	26.100.068.211	(11.586.506.774)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	16.469.038.666	(15.019.225.696)	31.488.264.362	14.467.637.700	(17.020.626.662)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	325.100	(333.190)	650.218	461.000	(386.768)
Cộng	49.252.233.353	19.069.394.837	(30.182.846.588)	83.409.810.665	40.568.166.911	(42.841.841.304)

(i) Trong năm, Tập đoàn đã bán 2.516.600 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(42.841.841.304)	(61.529.687.071)
Hoàn nhập dự phòng	12.658.994.716	18.687.845.767
Số cuối năm	(30.182.846.588)	(42.841.841.304)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi đã được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi để đảm bảo thực hiện hợp đồng mua nhiên liệu với Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung tại Quảng Nam.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư		
	Giá gốc	Cộng		Giá gốc	Cộng	
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	1.477.350.000.000	(174.666.435.398)	1.302.683.564.602	1.477.350.000.000	(141.976.973.075)	1.335.373.026.925
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	405.366.553.895	106.643.021.659	512.009.575.554	414.687.317.817	116.076.825.019	530.764.142.836
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	96.925.216.051	228.481.092.256	131.555.876.205	56.337.943.433	187.893.819.638
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	108.001.500.000	17.589.635.045	125.591.135.045	108.001.500.000	8.343.082.788	116.344.582.788
Công ty TNHH Golden Globe	103.823.882.496	(1.335.440.110)	102.488.442.386	103.823.882.496	(1.023.518.708)	102.800.363.788
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	(16.105.897.690)	88.514.125.310	104.620.023.000	(754.392.456)	103.865.630.544
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	6.544.655.905	69.082.720.002	62.538.064.097	2.531.486.528	65.069.550.625
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(27.669.095.776)	22.156.184.224	49.825.280.000	(22.586.547.257)	27.238.732.743
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	1.029.000.000	(1.029.000.000)	-
Các công ty liên doanh, liên kết khác	28.396.608.143	(17.962.072.587)	10.434.535.556	28.396.608.143	(16.738.866.823)	11.657.741.320
Cộng	2.471.477.787.836	(10.036.412.901)	2.461.441.374.935	2.481.827.551.758	(819.960.551)	2.481.007.591.207

(i) Giảm do chuyển nhượng cổ phiếu.

(ii) Ngày 27 tháng 02 năm 2020 Tập đoàn đã chuyển nhượng 48% phần vốn tại Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam). Tại thời điểm cuối năm do chỉ còn nắm giữ 1% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn ảnh hưởng đáng kể đến công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link</i>		
Doanh thu dịch vụ	417.591.700.801	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	257.572.168	265.905.802
Chi phí dịch vụ	783.760.498	-
Cho vay	15.000.000.000	-
Lãi vay	102.123.287	328.142.924
Chi hộ	64.769.472	-
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn</i>		
Cổ tức được chia	160.023.270.000	137.476.845.500
Vay	165.000.000.000	106.000.000.000
Lãi vay	10.396.463.014	3.358.796.784
Chi phí tài chính khác	218.818.874	-
<i>Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings</i>		
Cho vay	2.000.000.000	14.600.000.000
Lãi cho vay	744.825.205	722.997.261
<i>Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	11.722.430.005	15.492.684.988
Doanh thu cho thuê văn phòng	372.010.228	382.948.122
<i>Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings</i>		
Cho vay	-	2.785.460.000
Lãi cho vay	-	115.719.686
<i>Công ty TNHH Golden Globe</i>		
Góp vốn	-	8.831.725.000
<i>Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	2.506.920.000	674.940.000
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm</i>		
Cho vay	240.000.000	180.000.000
Lãi cho vay	674.016.438	-
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i>		
Doanh thu dịch vụ	64.713.433.492	63.123.433.370
Doanh thu cho thuê tài sản	5.806.181.825	7.324.161.021
Chi phí dịch vụ	4.363.894.122	35.322.666.322
Mua tài sản	2.981.000.000	38.750.000
Chi hộ	23.229.555	31.276.075
<i>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	6.519.213.817	18.419.515.221
Doanh thu cho thuê tài sản	13.821.560.208	5.464.319.641
Chi phí dịch vụ	4.304.599.270	2.836.595.383
Chi hộ	1.176.075.340	1.859.755.563
Thu hộ	11.753.083.463	17.504.214.660

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	76.129.953.667	80.440.387.741
Doanh thu dịch vụ	13.953.595.815	14.400.979.565
Chi phí dịch vụ	11.442.000.172	10.543.820.472
Thu hộ	33.488.007.481	30.259.243.983
Chi hộ	31.344.465.338	36.832.498.761
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Doanh thu dịch vụ	341.248.329	284.509.016
Vay	35.000.000.000	-
Lãi vay	777.095.890	-
Lãi cho vay	-	282.849.316
Mua tài sản cố định	-	1.997.401.815

Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng 9.220.800 cổ phần của Công ty mẹ trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.23b).

Tập đoàn đã thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư Dự án Cảng Cái Mép – Gemadept Terminal Link giai đoạn 1.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ⁽ⁱ⁾	31.715.908.411	-	165.581.032.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt trời Đồng Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.083.083.928)	5.000.000.000	(3.107.275.047)
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	21.000.000	(21.000.000)	-	-
Cộng	72.736.908.411	(3.104.083.928)	206.581.032.000	(3.107.275.047)

(i) Giảm do chuyển nhượng phần vốn góp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.107.275.047)	(15.660.934.288)
Hoàn nhập dự phòng	3.191.119	3.530.799.241
Xóa dự phòng do giải thể	-	9.022.860.000
Số cuối năm	(3.104.083.928)	(3.107.275.047)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>36.906.858.162</i>	<i>31.148.806.056</i>
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	24.505.087.315	15.809.907.826
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	7.823.985.356	9.036.900.386
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	3.072.564.000	4.055.524.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.358.445.939	1.969.153.844
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	146.775.552	-
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	-	277.320.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>305.081.632.991</i>	<i>335.765.047.660</i>
Cộng	341.988.491.153	366.913.853.716

Một số khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.23a).

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	50.574.181.296	55.274.181.296
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ	27.272.727.273	20.000.000.000
Mitsui E&S Machinery Co., Ltd	16.070.604.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	10.783.853.004
Công ty TNHH Kỹ thuật An Dương	-	21.736.500.000
Các nhà cung cấp khác	37.862.938.259	42.834.147.911
Cộng	142.564.303.832	150.628.682.211

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Vương Song.

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>17.530.000.000</i>	<i>18.890.000.000</i>
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.530.000.000	2.290.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	-	16.600.000.000
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Nhật Thái	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	-	11.000.000.000
Cộng	29.530.000.000	29.890.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho vay của Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	29.029.787.437	34.523.148.215
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	25.958.016.000	26.059.414.500
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu – Cổ tức được chia	1.446.300.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay	880.898.660	206.882.222
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Chi hộ	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Lợi nhuận được chia, nhờ thu hộ	267.403.185	7.663.152.863
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi hộ, lãi cho vay	166.892.759	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ	10.276.833	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings – Lãi cho vay	-	293.698.630
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	214.362.489.611	214.046.318.104
Tạm ứng	107.445.777.742	100.146.138.917
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	21.015.161.718	1.767.449.075
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Các khoản chi hộ	18.904.055.298	13.579.760.293
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đại Dương – Khoản hợp tác đầu tư	-	32.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	47.997.494.853	47.552.969.819
Cộng	243.392.277.048	248.569.466.319

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	12.080.447.670	13.987.883.113
Các khoản phải thu dài hạn khác	477.000.000	2.737.494.900
Cộng	30.557.447.670	34.725.378.013

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bên liên quan		3.410.898.660	(3.410.898.660)		2.496.882.222	(2.496.882.222)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi vay		3.410.898.660	(3.410.898.660)		2.496.882.222	(2.496.882.222)
Các tổ chức và cá nhân khác		7.547.182.069	(6.113.238.212)		6.548.378.480	(6.255.969.564)
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	4.547.182.069	(3.113.238.212)	Từ 01 năm đến trên 03 năm	3.548.378.480	(3.255.969.564)
Cộng		10.958.080.729	(9.524.136.872)		9.045.260.702	(8.752.851.786)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(8.752.851.786)	(9.775.949.394)
Tăng do hợp nhất	-	(80.979.000)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	(914.591.866)	476.292.035
Xóa nợ (xem thuyết minh số V.28c)	143.306.780	627.784.573
Số cuối năm	(9.524.136.872)	(8.752.851.786)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.285.395.688	-	36.852.578.743	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	7.301.610.205	-	4.690.132.405	-
Phụ tùng thay thế	13.576.628.697	-	13.984.714.834	-
Công cụ dụng cụ	325.255.680	-	326.526.210	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.252.105.257	-	16.053.759.635	-
Hàng hóa, thành phẩm	10.428.730.332	(4.203.118.080)	9.594.469.859	(3.121.208.460)
Cộng	77.169.725.859	(4.203.118.080)	81.502.181.686	(3.121.208.460)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.121.208.460)	(3.118.509.620)
Trích lập dự phòng	(1.099.277.750)	-
Chênh lệch tỷ giá	17.368.130	(2.698.840)
Số cuối năm	(4.203.118.080)	(3.121.208.460)

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	4.038.460.021	1.460.314.418
Chi phí bảo hiểm	3.022.229.310	4.183.100.579
Chi phí vật tư	434.000.001	759.894.626
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.556.466.323	3.681.330.996
Cộng	11.051.155.655	10.084.640.619

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	424.484.165.004	435.776.048.628
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	132.104.531.654	136.256.889.176
Chi phí lãi thuê tài chính container	27.617.167.303	38.589.763.593
Chi phí đầu tư đường gom	16.339.731.944	19.908.443.329
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	8.408.079.591	20.257.228.798
Các chi phí trả trước dài hạn khác	29.637.318.599	25.672.461.997
Cộng	638.590.994.095	676.460.835.521

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (xem thuyết minh số V.23).
- (ii) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ. Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.23b).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.023.708.154.362	1.467.010.908.125	1.314.148.088.593	27.755.706.605	4.832.622.857.685
Mua trong năm	574.570.545	8.304.443.507	31.607.658.321	3.191.380.055	43.678.052.428
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	107.049.690.705	-	21.466.379.958	7.694.033.865	136.210.104.528
Nhận từ tài sản cố định thuê tài chính	-	11.966.685.072	-	-	11.966.685.072
Thanh lý	(23.402.396.672)	(74.187.087.626)	(11.742.506.392)	(260.801.182)	(109.592.791.872)
Phân loại lại	18.966.858.434	(48.156.218.128)	29.480.242.421	(290.882.727)	-
Giảm khác	(600.626.364)	(679.199.940)	(3.399.330.961)	-	(4.679.157.265)
Chênh lệch tỷ giá	(857.588.340)	(13.568.580)	(942.718.855)	(7.082.010)	(1.820.957.785)
Số cuối năm	2.125.438.662.670	1.364.245.962.430	1.380.617.813.085	38.082.354.606	4.908.384.792.791
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.410.980.212	164.936.966.219	229.740.329.458	9.873.445.275	444.961.721.164
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	710.817.841.456	531.404.442.566	658.055.786.149	16.216.745.796	1.916.494.815.967
Khấu hao trong năm	121.723.676.970	91.949.190.225	100.768.316.394	5.481.110.859	319.922.294.448
Nhận từ tài sản cố định thuê tài chính	-	11.966.685.072	-	-	11.966.685.072
Thanh lý	(17.997.821.852)	(66.517.269.340)	(10.115.034.335)	(260.801.182)	(94.890.926.709)
Phân loại lại	8.090.565.734	(25.856.285.666)	17.917.842.653	(152.122.721)	-
Giảm khác	(275.533.913)	(679.199.940)	(3.399.330.961)	-	(4.354.064.814)
Chênh lệch tỷ giá	(697.244.490)	(13.532.340)	(892.336.640)	(6.984.490)	(1.610.097.960)
Số cuối năm	821.661.483.905	542.254.030.577	762.335.243.260	21.277.948.262	2.147.528.706.004
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.312.890.312.906	935.606.465.560	656.092.302.444	11.538.960.808	2.916.128.041.718
Số cuối năm	1.303.777.178.765	821.991.931.853	618.282.569.825	16.804.406.344	2.760.856.086.787

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.427.419.228.374 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.738.889.560
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.966.685.072)
Số cuối năm	247.772.204.488

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	99.869.635.998
Khấu hao trong năm	42.943.407.366
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.966.685.072)
Số cuối năm	130.846.358.292
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	159.869.253.562
Số cuối năm	116.925.846.196

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế trang Web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	307.558.866.170	40.060.531.731	105.000.000	347.724.397.901
Mua trong năm	-	1.101.630.640	-	1.101.630.640
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	9.465.020.000	-	9.465.020.000
Phân loại lại	-	75.000.000	(75.000.000)	-
Chênh lệch tỷ giá	(1.104.230.880)	(537.210)	-	(1.104.768.090)
Số cuối năm	306.454.635.290	50.701.645.161	30.000.000	357.186.280.451
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	13.110.044.767	30.000.000	13.140.044.767
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	52.423.483.991	25.949.872.868	74.112.903	78.447.469.762
Khấu hao trong năm	6.137.743.008	7.525.677.104	-	13.663.420.112
Phân loại lại	-	44.112.903	(44.112.903)	-
Chênh lệch tỷ giá	(210.894.730)	(537.210)	-	(211.431.940)
Số cuối năm	58.350.332.269	33.519.125.665	30.000.000	91.899.457.934
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	255.135.382.179	14.110.658.863	30.887.097	269.276.928.139
Số cuối năm	248.104.303.021	17.182.519.496	-	265.286.822.517
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	94.280.850.909	30.485.029.379
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	16.865.139.407	63.696.735.934
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(452.175.724)	99.085.596
Số cuối năm	110.693.814.592	94.280.850.909

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ, Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương. Chi tiết phân bổ như sau:

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	558.517.383.584	261.764.189.514	296.753.194.070
Phân bổ trong năm		55.221.716.706	-
Số cuối năm	558.517.383.584	316.985.906.220	241.531.477.364

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.915.223.118	17.359.467.166
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	4.111.097.893	13.767.967.441
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	1.808.074.592	2.695.365.948
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	837.510.000	102.430.000
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	158.540.633	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	785.889.307
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	-	7.814.470
Phải trả các nhà cung cấp khác	350.983.840.270	405.441.857.140
V.K.S Capital Investment Co., Ltd	71.902.955.300	66.909.451.680
Rich Mountain Trading Co., Ltd	66.880.636.240	72.209.927.520
Các nhà cung cấp khác	212.200.248.730	266.322.477.940
Cộng	357.899.063.388	422.801.324.306

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	15.149.719.633	122.606.177.166
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	15.147.530.580	122.606.177.166
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	2.189.053	-
Trả trước của các khách hàng khác	5.061.695.905	8.765.725.821
Cộng	20.211.415.538	131.371.902.987

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.962.536.603	-	96.474.246.225	(96.540.625.106)	3.900.209.140	4.051.418
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	841.084.290	(841.084.290)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	282.044.641	(282.044.641)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.029.511.374	3.471.157.510	88.492.988.818	(166.875.436.688)	12.579.920.639	16.404.014.645
Thuế thu nhập cá nhân	2.721.296.230	1.105.606.380	31.794.189.935	(31.850.344.993)	2.329.077.605	769.542.813
Các loại thuế khác	24.687.206	318.916.015	17.437.090.277	(17.332.990.594)	161.470.981	351.600.107
Cộng	84.738.031.413	4.895.679.905	235.321.644.186	(313.722.526.312)	18.970.678.365	17.529.208.983

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Riêng các công ty ở nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định cụ thể của từng nước.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.632.321.403	264.861.130
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn – Chi phí lãi vay	4.270.958.904	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi phí dịch vụ	361.362.499	264.861.130
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	204.060.858.490	167.836.052.279
Chi phí cho dự án trồng cao su	80.682.532.370	73.969.748.100
Chi phí duy tu, nạo vét cảng	47.999.999.498	34.716.500.182
Chi phí lãi vay	10.000.237.298	14.932.551.720
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.349.835.797	7.470.606.680
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	62.028.253.527	36.746.645.597
Cộng	208.693.179.893	168.100.913.409

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Doanh thu chưa thực hiện**21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
CJ Logistics Corporation – Tiền trả trước về cung cấp dịch vụ tư vấn	-	4.937.359.091
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	1.406.668.824	297.580.940
Cộng	1.406.668.824	5.234.940.031

21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	214.950.223.601	221.327.776.240
Lãi hoãn lại do cung cấp dịch vụ cho cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	58.348.998.019	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	1.915.935.700	2.349.732.460
Cộng	275.215.157.320	223.677.508.700

22. Phải trả khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.157.497.270	5.700.381.590
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Chi phí lãi vay	777.095.890	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	308.096.880	308.096.880
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ	-	5.102.301.379
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ	-	217.678.831
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	214.998.953.464	173.912.232.082
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ – Phải trả khác	30.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	38.468.587.104	27.220.565.300
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	20.874.085.130	8.700.384.487
Chi phí thuê đất (*)	13.215.886.140	9.250.731.900
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	3.793.657.864	3.502.120.368
Nhận đặt cọc ngắn hạn	3.382.592.715	4.980.897.715
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	105.264.144.511	120.257.532.312
Cộng	216.156.450.734	179.612.613.672

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	79.448.902.020	72.872.092.260
Chi phí thuê đất (*)	79.301.402.020	72.872.092.260
Các khoản phải trả dài hạn khác	147.500.000	-
Cộng	81.448.902.020	74.872.092.260

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	200.000.000.000	56.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	165.000.000.000	56.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Mekong Logistics	35.000.000.000	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	222.941.400.070	227.909.755.481
Vay ngắn hạn ngân hàng	202.220.215.326	165.535.027.481
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	54.159.686.818	62.096.079.204
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	45.955.886.630	-
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	35.318.104.411	36.155.774.385
Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng ^(iv)	35.292.414.260	46.285.612.782
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	21.198.353.587	16.818.621.666
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ^(vi)	10.295.769.620	4.178.939.444
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	20.721.184.744	62.374.728.000
Vay Chailease International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd. ^(vi)	13.926.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	6.795.184.744	62.374.728.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức khác	339.946.487.023	367.959.634.752
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	290.488.224.679	312.213.953.651
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	49.458.262.344	55.745.681.101
Cộng	762.887.887.093	651.869.390.233

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.3, V.8 và V.10).

- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 12 tháng.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và các quyền lợi ích phát sinh trên đất thuê, tài sản trên đất hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu luân chuyển và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.3 và V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình và Chailease International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd. để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.038.011.659.182	1.276.364.485.689
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	674.513.727.433	760.038.333.712
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱⁱ⁾	139.791.672.855	187.874.611.427
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	63.000.000.000	84.000.000.000
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng ^(iv)	59.600.000.000	87.045.596.650
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ^(v)	47.826.258.894	51.342.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn ^(vi)	40.000.000.000	60.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vii)	13.280.000.000	20.063.943.900
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi ^(viii)	-	26.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	99.727.450.057	149.252.935.500
Thuê tài chính Global Container International LLC	91.272.780.493	125.409.932.219
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	8.454.669.564	23.843.003.281
Cộng	1.137.739.109.239	1.425.617.421.189

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và để đầu tư dự án Cảng Nam Đình Vũ với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và toàn bộ quyền khai thác dự án, hạ tầng trên đất, công trình xây dựng, máy móc thiết bị,... và các tài sản gắn liền với đất đang tồn tại và sẽ hình thành trong tương lai thuộc phạm vi của dự án (xem thuyết minh số V.9b và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long và đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay không quá 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.2c và V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư 08 cầu trục bánh lốp (RTG), thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng để tài trợ gói máy móc thiết bị thuộc dự án cảng Nam Hải Đình Vũ, thời hạn vay 08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị gói máy móc thiết bị của dự án cảng Nam Hải Đình Vũ (xem thuyết minh số V.10).

Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hải Phòng để tài trợ một phần cho đầu tư dự án Trung tâm Logistics và Công nghiệp Nam Hải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất lô đất CN3 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, tài sản gắn liền với đất, các thiết bị (xem thuyết minh số V.9b).

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để thực hiện dự án cảng Nam Hải Đình Vũ, thời hạn vay 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và các quyền lợi ích phát sinh trên đất thuê, tài sản trên đất hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 8.530.000 cổ phần của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2c).

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua 04 xe nâng container với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi để đầu tư Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, thời hạn vay 14,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng nợ
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	290.488.224.679	833.295.694.463	204.715.964.719	1.328.499.883.861
Nợ thuê tài chính	49.458.262.344	99.727.450.057	-	149.185.712.401
Tiền gốc phải trả	39.900.702.632	80.724.313.629	-	120.625.016.261
Lãi thuê phải trả	9.557.559.712	19.003.136.428	-	28.560.696.140
Cộng	339.946.487.023	933.023.144.520	204.715.964.719	1.477.685.596.262
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	312.213.953.651	965.894.603.704	310.469.881.985	1.588.578.439.340
Nợ thuê tài chính	55.745.681.101	149.233.584.416	19.351.084	204.998.616.601
Tiền gốc phải trả	44.502.012.636	120.663.515.253	15.656.454	165.181.184.343
Lãi thuê phải trả	11.243.668.465	28.570.069.163	3.694.630	39.817.432.258
Cộng	367.959.634.752	1.115.128.188.120	310.489.233.069	1.793.577.055.941

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	61.587.682.540	59.835.406.001	1.752.276.539
Dự phòng về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.568.978.471	-	6.568.978.471
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	-	-	14.250.000.000
Cộng	68.156.661.011	59.835.406.001	22.571.255.010

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	111.871.685
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	452.175.724	(210.957.281)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(452.175.724)	99.085.596
Số cuối năm	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	301.377.957	296.924.957
Cổ phiếu phổ thông	301.377.957	296.924.957
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	301.377.957	296.924.957
Cổ phiếu phổ thông	301.377.957	296.924.957
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 046/NQ-ĐHĐCĐ-GMD ngày 22 tháng 6 năm 2020 Công ty mẹ đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	: 25.851.430.802
• Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị (2,5%)	: 12.925.715.401
• Chia cổ tức	: 296.924.957.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27d. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

28a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	9.450.413.715	17.534.222.715
Trên 01 năm đến 05 năm	2.248.174.858	11.181.997.858
Trên 05 năm	11.908.117.863	12.384.442.577
Cộng	23.606.706.435	41.100.663.150

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Tổng số tiền thuê đất tại Phường Bình Thang, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

28b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2.482.363,56	2.294.936,45
Euro (EUR)	737,58	749,18

28c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	3.519.758.973	3.376.452.193	Không có khả năng thu hồi
Cộng	4.797.274.888	4.653.968.108	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	2.171.563.938.718	2.338.039.480.007
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	411.425.750.250	303.409.172.942
Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác	22.676.680.861	1.465.273.255
Cộng	2.605.666.369.829	2.642.913.926.204

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	1.324.053.569.095	1.417.431.035.895
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	332.028.266.091	212.709.983.020
Cộng	1.656.081.835.186	1.630.141.018.915

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.574.966.231	1.810.463.661
Lãi tiền cho vay	4.560.622.465	1.611.155.301
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.664.407.500	3.330.481.500
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	15.430.913.346	94.549.434.874
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.214.891.525	1.878.303.314
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.763.485.602
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.129.923.855	2.544.362.165
Cộng	27.575.724.922	107.487.686.417

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	146.594.706.568	145.399.814.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.256.181.707	5.024.000.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	331.606.922	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	12.109.260.542	17.157.125.015
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(12.662.185.835)	(21.218.645.008)
Chi phí tài chính khác	2.634.783.120	147.733.449
Cộng	159.264.353.024	146.510.028.288

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng môi giới	130.773.456.749	132.041.268.069
Các chi phí khác	6.582.160.219	5.953.816.964
Cộng	137.355.616.968	137.995.085.033

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	152.515.705.008	153.032.285.390
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.921.516.067	9.834.750.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.312.996.544	19.460.733.184
Dự phòng phải thu khó đòi	847.698.691	(476.292.035)
Phân bổ lợi thế thương mại	55.221.716.706	34.583.208.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.185.879.491	49.968.323.354
Các chi phí khác	57.468.403.960	64.233.174.972
Cộng	341.473.916.467	330.636.183.944

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	6.901.073.544	7.445.025.934
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	6.377.552.639	6.377.552.639
Hoàn nhập dự phòng phải trả	59.835.406.001	-
Thu nhập khác	6.985.453.872	5.136.782.602
Cộng	80.099.486.056	18.959.361.175

(*) Khoản phân bổ doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 với số tiền 283.980.000.000 VND với thời gian phân bổ 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 với số tiền 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ 10 năm.

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đầu tư không hiệu quả	54.644.324.900	49.645.138.835
Chi phí khác	9.077.128.969	5.961.317.724
Cộng	63.721.453.869	55.606.456.559

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	780.963.371	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.263.502.715	8.631.402.458
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(32.128.642.122)	(72.328.138.392)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(328.787.647)	(210.957.281)
Cộng	(16.412.963.683)	(63.907.693.215)

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	370.931.984.470	517.028.616.025
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(29.674.558.758)	(41.362.289.282)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	341.257.425.712	475.666.326.743
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	296.981.107	296.924.957
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.149	1.602
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.149	1.602

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	236.268.080.390	231.383.369.181
Chi phí nhân công	376.270.954.200	364.057.342.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	407.829.017.632	366.059.069.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	955.801.543.470	931.429.858.548
Chi phí khác	158.741.772.929	205.842.648.367
Cộng	2.134.911.368.621	2.098.772.287.892

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	12.580.490.000	11.728.016.000
Thu nhập khác	378.635.292	2.568.835.292
Cộng	12.959.125.292	14.296.851.292

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Cơ cấu thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:*

	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch	89%	8%	4%	100%
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch	87%	8%	5%	100%
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch	-	-	100%	100%
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên	88%	8%	4%	100%
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	86%	7%	7%	100%
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên	86%	7%	7%	100%
Ông Vũ Ninh	Thành viên	84%	7%	9%	100%
Ông Bolat Duisenov	Thành viên	-	-	100%	100%
Ông David Do	Thành viên	-	-	100%	100%
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên	-	-	100%	100%
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên	-	-	100%	100%
Ban kiểm soát					
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban	-	-	100%	100%
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên	85%	7%	8%	100%
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên	80%	7%	13%	100%
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên	-	-	100%	100%
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên	-	-	100%	100%
Ban điều hành					
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám Đốc	88%	8%	4%	100%
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	92%	8%	-	100%
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	92%	8%	-	100%
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	92%	8%	-	100%
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	93%	7%	-	100%
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch	78%	19%	3%	100%
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch	77%	19%	4%	100%
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch	-	-	100%	100%
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên	78%	19%	3%	100%
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	71%	23%	6%	100%
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên	71%	23%	6%	100%
Ông Vũ Ninh	Thành viên	73%	18%	9%	100%
Ông Bolat Duisenov	Thành viên	-	-	100%	100%
Ông David Do	Thành viên	-	-	100%	100%
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên	-	-	100%	100%
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên	-	-	100%	100%
Ban kiểm soát					
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban	-	-	100%	100%
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên	74%	19%	7%	100%
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên	73%	14%	13%	100%
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên	-	-	100%	100%
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên	-	-	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Ban điều hành					
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám Đốc	78%	19%	3%	100%
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	78%	22%	-	100%
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	76%	24%	-	100%
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	86%	14%	-	100%
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	85%	15%	-	100%

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.6a, V.16, V.17, V.20, V.22 và V.23a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý,...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng và đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	2.559.504.150.129	2.579.409.064.209
Nước ngoài	46.162.219.700	63.504.861.995
Cộng	2.605.666.369.829	2.642.913.926.204

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	199.163.762.356	336.845.778.598	8.142.898.333.303	8.192.672.164.386
Nước ngoài	35.432.504.171	62.860.022.235	1.513.931.264.130	1.627.108.655.201
Cộng	234.596.266.527	399.705.800.833	9.656.829.597.433	9.819.780.819.587

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Phạm Quang Huy
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do mua thêm	Giảm do chuyển nhượng vốn	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	1.335.373.026.925	-	-	(32.689.462.323)	-	-	1.302.683.564.602
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	530.764.142.836	952.045.000	(3.824.521.148)	152.812.111.966	(160.023.270.000)	(8.670.933.100)	512.009.575.554
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	187.893.819.638	-	-	42.495.540.292	-	(1.908.267.674)	228.481.092.256
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Gemadept	116.344.582.788	-	-	9.483.048.307	-	(236.496.050)	125.591.135.045
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	103.865.630.544	-	-	(15.351.505.234)	-	-	88.514.125.310
Công ty TNHH Golden Globe	102.800.363.788	-	-	(311.921.402)	-	-	102.488.442.386
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	65.069.550.625	-	-	4.112.590.652	-	(99.421.275)	69.082.720.002
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	27.238.732.743	-	-	(5.082.548.519)	-	-	22.156.184.224
Các công ty liên doanh, liên kết khác	11.657.741.320	-	(1.029.000.000)	1.643.520.477	(2.506.920.000)	669.193.759	10.434.535.556
Cộng	2.481.007.591.207	952.045.000	(4.853.521.148)	157.111.374.216	(162.530.190.000)	(10.245.924.340)	2.461.441.374.935

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Phạm Quang Huy
Người lập

Đỗ Văn Minh

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	50.824.338.385	45.296.003.822	(21.466.379.958)	-	74.653.962.249
Xây dựng cơ bản dở dang	1.748.978.575.619	118.704.657.729	(124.208.744.570)	(60.959.185.600)	1.682.515.303.178
Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	-	51.165.085.825
Dự án trồng cao su của Pacific Pride	752.363.457.390	28.836.033.550	(3.448.539.750)	(3.048.115.990)	774.702.835.200
Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	407.213.156.429	14.789.724.750	(2.622.385.700)	(1.642.301.560)	417.738.193.919
Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	467.198.868.511	14.376.775.050	(445.151.350)	(56.268.768.050)	424.861.724.161
Dự án cải tạo nền bãi nhà máy dầu Bình An	7.642.807.715	14.902.085.016	(8.497.428.658)	-	14.047.464.073
Dự án Cảng Nam Hải Đình Vũ	58.526.036.987	21.030.784.141	(79.556.821.128)	-	-
Dự án Cảng Nam Đình Vũ	-	22.874.894.163	(22.874.894.163)	-	-
Các dự án khác	4.869.162.762	1.894.361.059	(6.763.523.821)	-	-
Cộng	1.799.802.914.004	164.000.661.551	(145.675.124.528)	(60.959.185.600)	1.757.169.265.427

Đơn vị tính: VND

Phạm Quang Huy
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

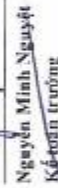
Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	88.120.738.511	140.506.685.321	127.122.474.017	541.644.403.653	648.708.602.093	6.528.982.416.537
Nhận vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	517.028.616.023	96.540.435.974	613.569.051.999
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(24.260.504.062)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(55.313.269.900)	(2.614.260.774)	(57.927.530.674)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(445.387.435.500)	(60.078.040.980)	(505.465.476.480)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(1.088.888.892)	-	-	(1.088.888.892)
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(30.338.264.126)	(5.060.080.394)	(25.398.344.520)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	-	(1.292.789.450)	-	(1.292.789.450)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	8.571.427.438	-	-	(6.693.030.336)	-	1.878.397.102
Số dư cuối năm trước	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	96.692.165.949	152.636.937.352	138.163.837.156	505.387.726.304	691.496.655.919	6.567.256.865.622
Số dư đầu năm nay	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	71.797.775.902	96.692.165.949	152.636.937.352	138.163.837.156	505.387.726.304	691.496.655.919	6.567.256.865.622
Tăng vốn trong năm nay	44.530.000.000	-	-	-	-	-	-	-	44.530.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	56.300.000.000	-	-	-	(70.300.000.000)	14.000.000.000	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	370.931.984.470	69.543.769.904	440.475.754.374
Ảnh hưởng do mua thêm tỷ lệ số hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(17.438.636.573)	(12.561.363.427)	(30.000.000.000)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(2.813.800.683)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(46.820.391.279)	(2.051.317.491)	(48.871.708.770)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(296.924.957.000)	(64.936.484.124)	(361.861.441.124)
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(933.333.336)	-	-	(933.333.336)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	-	4.090.465.524	(2.061.348.246)	2.029.117.278
Giảm khác	-	-	-	(6.729.676.854)	-	-	(10.966.319.186)	-	(17.695.996.040)
Số dư cuối năm nay	3.013.779.570.000	1.941.832.197.040	128.097.775.902	89.962.489.095	152.636.937.352	140.044.304.503	435.146.071.577	693.429.912.535	6.594.929.258.004

Đơn vị tính: VND



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

 CÔNG TY
CỔ PHẦN
GEMADEPT
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

						Đơn vị tính: VND
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:						
Năm nay	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.171.563.938.718	411.425.750.250	22.676.680.861	-		2.605.666.369.829
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	589.698.366.126	365.904.590.396	39.613.909.335		(995.216.865.857)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.761.262.304.844	777.330.340.646	62.290.590.196	-	(995.216.865.857)	2.605.666.369.829
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	572.247.102.585	(19.340.944.409)	62.290.590.196	(13.228.476.808)	(77.713.535.465)	524.254.736.099
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(53.499.734.891)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						470.755.001.208
Doanh thu hoạt động tài chính						27.575.724.922
Chi phí tài chính						(159.264.353.024)
Thu nhập khác						80.099.486.056
Chi phí khác						(63.721.453.869)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(32.689.462.323)	186.000.167.289	3.800.669.250	-	-	157.111.374.216
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(88.492.988.818)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						16.412.963.683
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						440.475.754.374
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	163.098.006.717	36.065.755.639	-	35.432.504.171	-	234.596.266.527
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	287.718.581.727	126.647.624.754	-	617.251.995	-	414.983.458.476
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.338.039.480.007	303.409.172.942	1.465.273.255	-		2.642.913.926.204
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	313.807.116.779	106.385.281.138	-		(420.192.397.917)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.651.846.596.786	409.794.454.080	1.465.273.255	-	(420.192.397.917)	2.642.913.926.204
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	633.023.280.692	(41.704.988.949)	1.465.273.255	(14.154.111.766)	95.393.983	578.724.847.215
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(34.583.208.903)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						544.141.638.312
Doanh thu hoạt động tài chính						107.487.686.417
Chi phí tài chính						(146.510.028.288)
Thu nhập khác						18.959.361.175
Chi phí khác						(55.606.456.559)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						236.158.202.752
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(154.969.045.025)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						63.907.693.215
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.931.757.638)	251.802.166.977	3.287.793.413	-		613.569.051.999
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	267.780.324.758	69.065.453.840	-	62.860.022.235	-	399.705.800.833
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	256.275.798.733	122.941.835.332	-	594.484.854	-	379.812.118.919
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.728.729.571.399	2.392.042.893.107	164.572.428.954	2.371.484.701.973	-	9.656.829.597.433
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						177.714.609.835
Tổng tài sản						9.834.544.207.268
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.438.314.418.176	808.860.083.209	-	957.150.870.000	-	3.204.325.371.385
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						35.289.577.879
Tổng nợ phải trả						3.239.614.949.264
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.954.402.181.998	2.240.748.340.482	164.807.887.558	2.459.822.409.549	-	9.819.780.819.587
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						300.126.077.415
Tổng tài sản						10.119.906.897.002
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.519.241.516.566	1.037.378.177.011	-	963.585.165.353	-	3.520.204.958.930
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						32.445.072.450
Tổng nợ phải trả						3.552.650.031.380


Phạm Quang Huy
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

